TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **15/**2022/HS-ST
Ngày: 24/02/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tám

Bà Đặng Thị Tiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trân Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2021/TLST- HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

A, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1998 tại tỉnh A1. Nơi đăng ký thường trú: số 20/382, khu phố 2, phường 1, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B (đã chết) và bà C, sinh năm 1973; bị cáo là con duy nhất trong gia đình, bị cáo chưa có vợ con; tiền án: ngày 27/9/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/5/2020, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 22/8/2021, chuyển sang tạm giam ngày 25/8/2021 (có mặt).

Bị hại:

D, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 116, đường Tứ Kiệt, khu phố 1, phường 1, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

Đ, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 472, khu phố 1, phường 4, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

E, sinh năm 1988 (vắng mặt);
Địa chỉ: số 23/462, khu phố 2, phường 1, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

Ê, sinh năm 1992 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Ê1, xã Ê2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

G, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt);
Địa chỉ: số 292, tổ 15, khu phố 2, thị trấn G1, huyện G2, tỉnh Tiền Giang.

H, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt);
Địa chỉ: khu phố 2, phường 1, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

I, sinh năm 1973 (có mặt);
Nơi cư trú: ấp 1, xã I1, huyện I2, tỉnh Đồng Tháp.
Tạm trú: khu phố 1, phường 5, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

K, sinh năm 1996 (vắng mặt);
Địa chỉ: số 24/470, khu phố 2, phường 1, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên A, sinh ngày 23/02/1998, đăng ký thường trú khu phố 2, phường 1, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để trong các kiot tạp hóa tại chợ Cai Lậy, tọa lạc khu phố 1, phường 1, thị xã A3. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12/8/2021, A đi từ nhà của E, sinh năm 1988, thường trú số 23/462, khu phố 2, phường 1, thị xã A3 (A sống như vợ chồng với E) đến kiot tạp hóa số SE3.3 của chị D, sinh năm 1975, thường trú khu phố 1, Phường 1, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang. Tiến leo lên vách vào bên trong tìm và lấy trộm 245 card điện thoại bao gồm: card Viettel: 06 card mệnh giá 200.000 đồng, 15 card mệnh giá 100.000 đồng, 25 card mệnh giá 50.000 đồng, 50 card mệnh giá 20.000 đồng, 15 card mệnh giá 10.000 đồng; card Mobifone: 10 card mệnh giá 100.000 đồng, 25 card mệnh giá 50.000 đồng, 30 card mệnh giá 20.000 đồng; card Vinaphone: 10 card mệnh giá 100.000 đồng, 28 card mệnh giá 50.000 đồng, 20 card mệnh giá 20.000 đồng; card Vietnam mobile: 06 card mệnh giá 50.000 đồng, 05 card mệnh giá 20.000 đồng. A cất vào túi quần rồi leo ra và đi về nhà của E.

Khoảng 07 giờ cùng ngày, A cào nhiều mệnh giá thẻ cào và nhờ Ê, sinh năm 1992, thường trú ấp Ê1, xã Ê2, thị xã A3 (bạn và sống cùng với E) nạp vào tài khoản game Facebook Yeu98 do A lập. Hằng sử dụng điện thoại Samsung loại cảm ứng của Ê và nạp vào số tiền 2.780.000 đồng. Đến khoảng

13 giờ 40 phút cùng ngày, A nhờ Ê chuyển tiền vào số tài khoản 070119363592 của Ê thuộc Ngân hàng Sacombank. Tiến mượn thẻ ATM của Ê đến trụ ATM ngân hàng SHB tọa lạc khu phố 2, phường 1, thị xã A3 để rút tiền nhưng không được, A quay lại nhờ Ê đi rút tiền dùm. Do tài khoản bị trừ phí nên Ê chỉ rút được số tiền 2.650.000 đồng và đưa cho A. Lúc này, tại nhà E, A gặp G, sinh năm 1996, thường trú 292, tổ 15, khu 2, thị trấn A1, huyện G2, tỉnh Tiền Giang và cho G mượn số tiền 1.500.000 đồng. A đến cửa hàng điện thoại K, tọa lạc khu phố 1, phường 4, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang do anh N, sinh năm 1984 làm chủ mua 01 điện thoại hiệu FORME với số tiền 990.000 đồng. A cho M sử dụng nhưng sau đó đem đi cầm cho chị H, sinh năm 1981, thường trú khu phố 2, phường 1, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang với số tiền 300.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Đối với số Card điện thoại còn lại, A nạp 01 card Viettel mệnh giá 200.000 đồng cho bà I, sinh năm 1973, tạm trú khu phố 1, phường 5, thị xã A3 (mẹ A). Tiến cho Hằng 03 card Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng và 07 card Mobifone trị giá 20.000 đồng. Còn lại, A nạp vào điện thoại của Ê và chơi game thua hết. Đến ngày 22/8/2021 thì A bị bắt.

Bản kết luận định giá tài sản số 119 ngày 21/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 245 card điện thoại trị giá 11.150.000 đồng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy, A đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp trên của mình.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã tạm giữ:

- 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu hồng hiệu FORME model A77;

- 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu đen hiệu Samsung;

- 01 điện thoại di động màu đen, hiệu Itel, bên trong có sim Viettel;

- 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank tên Ê;

- 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV tên A;

- 02 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng, đã sử dụng;

- 01 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, đã sử dụng;

- 01 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng, đã sử dụng;

- 01 thẻ cào Mobifone mệnh giá 50.000 đồng, đã sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: chị D yêu cầu A bồi thường số tiền 11.150.000 đồng, H yêu cầu A bồi thường số tiền 300.000 đồng. Hiện A chưa bồi thường.

Quá trình điều tra, bị cáo A khai nhận cùng G thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Khoảng 23 giờ ngày 20/8/2021, K1, sinh năm 1996, thường trú số 24/470, khu phố 2, phường 1, thị xã A3 đến nhà E chơi. A và G nhờ K1 chở

về nhà A. Khi K1 điều khiển ngang nhà ông Đ, sinh năm 1956, thường trú số 472, khu phố 1, phường 4, thị xã A3, K1 nhìn thấy 01 xe mô tô biển số 59X1-360.83 của ông Đ đang đậu trước nhà và được khóa bằng dây xích, K1 kêu lấy trộm nhưng A và G không đồng ý. Khoảng 01 giờ ngày 21/8/2021, K1 chở A và G quay về thì nhìn thấy xe mô tô biển số 59X1-360.83 vẫn còn nên dừng xe lại. A và G đi vào, G dùng đoản bẻ khóa nhưng do xe có dây xích nên không dẫn ra được. Tín chở A về nhà lấy 01 cây kềm đa năng và quay lại chổ G. A và G thay nhau cắt đứt dây xích, G dẫn xe chạy đi, K1 và A về nhà ngủ. Sau đó G cất giấu xe mô tô biển số 59X1-360.83 ở nghĩa trang liệt sĩ. Đến ngày 22/8/2021, G điều khiển xe lưu thông trên đường thì bị phát hiện và tạm giữ.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển số 59X1-360.83;

- 01 cây kềm đa năng màu trắng, đã qua sử dụng.

Bản kết luận định giá tài sản số 120 ngày 30/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô biển số 59X1-360.83 trị giá 1.500.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai lậy đã trao trả cho ông Đặng Văn Quẩn 01 xe mô tô biển số 59X1-360.83.

Về trách nhiệm dân sự: ông Đ đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo A bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 84/CT-VKSTXCL ngày 24/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo A khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các quyết định cũng như hành vi của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thị xã Cai Lậy, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo A phạm tội thuộc trường hợp tái phạm và phạm tội hai lần trở lên, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Đ đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị hại chị D yêu cầu bị cáo A có nghĩa vụ bồi thường số tiền là 11.150.000 đồng. Bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H yêu cầu bị cáo A có nghĩa vụ bồi thường số tiền là 300.000 đồng. Tuy nhiên vào ngày 06/01/2022 thì chị H có văn bản không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu FORME

Trả lại 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu đen hiệu Samsung và 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank tên Ê cho chị Ê;

Trả lại 01 điện thoại di động màu đen, hiệu Itel, bên trong có sim Viettel cho bà I;

Trả lại 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV tên A cho bị cáo A;

Đối với 02 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng, 01 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 01 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng, 01 thẻ cào Mobifone mệnh giá 50.000 đồng đây là tài sản do bị cáo trộm mà có, các thẻ cào này đã sử dụng hiện không có giá trị và không còn sử dụng được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2,3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 cây kềm đa năng màu trắng đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô biển số 59X1-360.83 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả cho bị hại ông Đ đã xong, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo sẽ sửa sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về việc vắng mặt bị hại ông Đ, bà D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị E, chị Ê, anh G, bà H, anh K1: Xét thấy, trong hồ sơ đã có lời khai của ông Đ, bà D, chị E, chị Ê, anh G, bà H, anh K1 và việc vắng mặt của ông ông Đ, bà D, chị E, chị Ê, anh G, bà H, anh K1 không làm ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo A. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình

sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà D, chị E, chị Ê, anh G, bà H, anh K1.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là: vào ngày 12/8/2021 tại kiot tạp hóa của chị D ở khu phố 1, phường 1, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm 245 card điện thoại bao gồm: card Viettel: 06 card mệnh giá 200.000 đồng, 15 card mệnh giá 100.000 đồng, 25 card mệnh giá 50.000 đồng, 50 card mệnh giá 20.000 đồng, 15 card mệnh giá 10.000 đồng; card Mobifone: 10 card mệnh giá 100.000 đồng, 25 card mệnh giá 50.000 đồng, 30 card mệnh giá 20.000 đồng; card Vinaphone: 10 card mệnh giá 100.000 đồng, 28 card mệnh giá 50.000 đồng, 20 card mệnh giá 20.000 đồng; card Vietnam mobile: 06 card mệnh giá 50.000 đồng, 05 card mệnh giá 20.000 đồng. Vào ngày 21/8/2021, K1 chạy xe chở A, G ngang nhà ông Đ, A và G xuống xe đi lại chổ xe đậu. G dùng đoãn bẽ khóa do xe có dây xích nên không lấy được, A cùng K1 chạy xe về nhà A, A lấy 01 cây kiềm đa năng quay lại chỗ chiếc xe, K1 ngồi trên xe không vào, A cùng G đi lại chiếc xe thay phiên dùng kéo cắt dây xích một lúc thì đứt, G lấy xe chạy đi. K1 chở A về nhà ngủ. Lời trình bày của bị cáo phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cho nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo A phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đúng với kết luận luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy giữ quyền công tố tại phiên tòa hôm nay.

[4] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo A vô cùng táo bạo và liều lĩnh, lợi dụng đêm khuya, tài sản không người trông coi và lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để trộm cắp tài sản. Hành vi do bị cáo A gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương nơi xảy ra tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo A thể hiện sự xem thường pháp luật, nên cần xử phạt bị cáo A với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Đối với chị Ê có hành vi cho bị cáo A mượn điện thoại, giúp bị cáo A nạp thẻ cào điện thoại vào tài khoản, cho bị cáo A mượn thẻ ngân hàng rút tiền, sau đó trực tiếp rút tiền về đưa bị cáo A, tiêu xài số card do bị cáo A

cho, có dấu hiệu của tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có " quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, chị Ê không biết số card điện thoại trên do bị cáo A trộm cắp của chị D mà có. Do đó, hành vi của chị Ê không cấu thành tội phạm.

[6] Đối với chị E được bị cáo A sử dụng số tiền từ việc trộm card điện thoại của chị D mua cho 01 điện thoại di động sử dụng có dấu hiệu của tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có " quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, chị E không biết điện thoại trên bị cáo A có được từ việc trộm cắp card điện thoại của chị D mà có. Do đó, hành vi của chị E không cấu thành tội phạm.

[7] Đối với bà I (mẹ của bị cáo A) được A nạp 01 card điện thoại lấy trộm của chị D và sử dụng hết tài khoản này có dấu "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có " quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bà I không biết card điện thoại trên A trộm của chị D mà có. Do đó, hành vi của bà I không cấu thành tội phạm.

[8] Đối với hành vi đánh bạc trái phép qua tài khoản Game Facebook Yeu98 của bị cáo A có dấu hiệu của "Tội đánh bạc trái phép" được quy định tại Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, do chiếc điện thoại A sử dụng thực hiện hành vi đánh bạc bị hỏng, không còn dữ liệu nên không đủ căn cứ xử lý hành vi đánh bạc trái phép của A. Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[9] Đối với hành vi của anh N có hành vi bán điện thoại Forme cho A, sau đó A đem cầm cho chị H lấy tiền tiêu xài. Tuy nhiên, anh N và chị H không biết tiền và điện thoại do A phạm tội mà có. Do đó, hành vi của anh N, chị H không cấu thành tội phạm.

[10] Đối với G có hành vi trộm xe mô tô biển số 59X1-360.83 cùng với A. Tuy nhiên, tài sản chưa đến 2.000.000 đồng, bản thân G chưa có tiền án, tiền sự về các hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, hành vi của G chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

[11] Quá trình điều tra, A và G khai nhận việc trộm xe do K1 rủ, K1 là người chở A quay về lấy kềm. Tuy nhiên, K1 không thừa nhận. Đồng thời, tài sản chưa đến 2.000.000 đồng, bản thân K1 chưa có tiền án, tiền sự về các hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, hành vi của K1 chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

[12] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có 01 tiền án, không có tiền sự. Do đó, bị cáo có nhân thân xấu.

[13] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo A thực hiện liên tiếp hai vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại địa bàn thị xã A3, tỉnh Tiền Giang và bị cáo A có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 18/5/2020 hành vi phạm tội của bị cáo chưa được xóa án tích nên lần phạm

tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại Điều 53 của Bộ luật Hình sự. Nên bị cáo A phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[14] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo A. Hội đồng xét xử nhận thấy: cần cách ly bị cáo A ra khỏi xã hội một thời gian để nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt giúp ích cho xã hội sau này.

[15] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đ đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Bị hại chị D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 11.150.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo khai đồng ý bồi thường theo giá trị tài sản của Hội đồng định giá. Xét thấy, 245 cạc điện thoại do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang kết luận giá trị 11.150.000 đồng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của chị D buộc bị cáo A bồi thường cho chị D số tiền 11.150.000 đồng. Trong quá trình điều tra thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 300.000 đồng, nhưng vào ngày 06/01/2021 chị H có đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 300.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[16] Về xử lý vật chứng: Xét, 01 điện thoại di động hiệu FORME đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu đen hiệu Samsung và 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank tên Ê đây là tài sản thuộc sở hữu của chị Ê nên trả lại cho chị Ê; 01 điện thoại di động màu đen, hiệu Itel, bên trong có sim Viettel là tài sản của bà I nên trả lại cho bà I; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV tên A đây là tài sản của bị cáo A không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo A; 02 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng, 01 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 01 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng, 01 thẻ cào Mobifone mệnh giá 50.000 đồng đây là tài sản do bị cáo trộm mà có, các thẻ cào này đã sử dụng hiện không có giá trị và không còn sử dụng được nên Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy; 01 cây kềm đa năng màu trắng đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy; 01 xe mô tô biển số 59X1-360.83 Cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả cho bị hại ông Đ đã xong, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[17] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nên theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A 01 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47; khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả cho chị Ê 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu đen hiệu Samsung và 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank tên Ê.

Trả cho bà I 01 điện thoại di động màu đen, hiệu Itel, bên trong có sim Viettel;

Trả cho bị cáo A 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV tên A;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu FORME;

Tịch thu tiêu hủy:

- 02 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng, 01 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 01 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng, 01 thẻ cào Mobifone mệnh giá 50.000.

- 01 cây kềm đa năng màu trắng.

Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang quản lý (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/12/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự và hướng dẫn của Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 cảu Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo A phải bồi thường cho bà D số tiền 11.150.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 557.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà I được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông Đ, bà D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị E, chị Ê, anh G, bà H, anh K1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Thoa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Cơ quan điều tra CA thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.